

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẠP PHẪM VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG**

*ĐỊA CHỈ : 11 A, PHỐ CÁT LINH, QUẬN ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2009**

Nơi nhận : **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
*Địa chỉ : 164 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẠP PHẪM VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG**

*ĐỊA CHỈ : 11 A, PHỐ CÁT LINH, QUẬN ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2009**

Nơi nhận : **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
*Địa chỉ : 164 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội*

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Tên công ty : Công ty cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ lao động

Địa chỉ : 11 A, Cát linh, Đống Đa, Hà nội

Điện thoại : 04.3.8.456.519, Fax: 04.3.8.432.922

E-mail : sunprotexim-hn@vnn.vn

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

##### a/ Việc thành lập:

Theo quyết định 1215/QĐ-BTM ngày 27/8/2004 của Bộ trưởng Bộ thương mại về việc chuyển Công ty Tạp phẩm và Bảo hộ lao động thành Công ty cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ lao động và giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103007321 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà nội cấp ngày 06/4/2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 02 số 0103007321 ngày 22/01/2007.

#### 2. Quá trình phát triển

##### b/ Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

Kinh doanh hàng tiêu dùng, bách hóa, tạp phẩm, trang bị bảo hộ lao động, thực phẩm công nghệ, nông lâm sản, thiết bị văn phòng, điện tử, phương tiện vận tải, hàng nông sản, v.v... (bao gồm cả xuất nhập khẩu).

Kinh doanh dịch vụ, văn phòng cho thuê, sân bãi để hàng. Các mặt hàng trên công ty đã có truyền thống kinh doanh hàng chục năm, nhất là hàng tiêu dùng bách hóa, hàng bảo hộ lao động và tương đối ổn định về thị trường. Để phát huy lợi thế, phù hợp với hoạt động kinh doanh trong điều kiện hội nhập. Công ty đầu tư mở rộng kinh doanh những mặt hàng chính, nhất là lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, kho, v.v...

- Năm 2009 là năm công ty vẫn hoạt động có hiệu quả và ngày càng tăng trưởng

#### 3. Định hướng phát triển:

##### a/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tập trung củng cố, phát triển thị trường truyền thống của công ty, liên kết với các nhà sản xuất, phân phối để hình thành hệ thống chuỗi phân phối hàng hóa, dịch vụ. Tập trung cung cấp hàng bảo hộ lao động trực tiếp đến các khách hàng, không qua khâu trung gian, khai thác hết lợi thế địa lý, tài sản, kho,...

##### b/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Nhằm khai thác hết lợi thế của doanh nghiệp tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài và ổn định cho doanh nghiệp.

Công ty đã tiến hành bước khởi động đầu tiên thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp, Trung Tâm thương mại, văn phòng **SUNPRROTEXIM I và II** tại 2 địa điểm 11A Cát Linh và 30 Đoàn Thị Điểm - Hà nội.

Dự án trong giai đoạn chuẩn bị từ tháng 01/2010 và kết thúc tháng 12/2013.

Dự án hoàn thành tạo lợi nhuận, trung tâm thương mại và các văn phòng cho thuê mang lại thị trường, tăng uy tín với khách hàng, tạo nhiều việc làm cho xã hội, nhiều văn phòng cho các doanh nghiệp có nơi làm việc tại khu trung tâm thành phố.

### I. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Năm 2009 kết quả kinh doanh của công ty tăng trưởng khá hơn năm 2008:

- Doanh thu đạt : 673,6 tỷ tăng 21,6 % so với năm 2008
- Lợi nhuận trước thuế 4,11 tỷ tăng 19,8 % so với năm 2008
- Không phát sinh thêm các khoản nợ đọng, tình hình tài chính lành mạnh.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

- Doanh thu bán hàng tăng trên 22,47 % /kế hoạch năm 2009
- Lợi nhuận trước thuế đạt 4.111.121.375 đồng tăng 17,16 %/kế hoạch năm 2009.
- 06 tháng cuối năm 2009 công ty đã có công tác chuẩn bị từng bước nhằm khởi động các dự án đã định. Kế hoạch từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2013 thực hiện xong các dự án

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :

Dự kiến năm 2010 doanh thu bán hàng 680 tỉ, lợi nhuận trước thuế 4,0 tỉ, cổ tức 20%/ vốn điều lệ.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt

a/ Khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ đạt 41,11%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ đạt 33,91 %

#### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đ/V TÍNH	NĂM 2008	NĂM 2009
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		2.39	2.94
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		97.61	97.06
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		85.87	83.69
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		14.11	16.31
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	Khả năng thanh toán nhanh		0.10	0.01
	Khả năng thanh toán hiện hành		1.16	1.19
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3.25	4.21
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.46	0.50
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu		23.01	25.82

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh BCTC, báo cáo kiểm toán (Các báo cáo kèm theo được Scan tại các trang cuối).

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

Báo cáo tài chính năm 2009 của công ty được kiểm toán theo qui định (báo cáo tài chính đã gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

b/ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 80.551.154.150 đồng

c/ Tổng số cổ phiếu theo từng loại : (đã chuyển đổi giá trị mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng thay cho 100.000 đồng trước đó.)

- Vốn điều lệ 10 tỉ VNĐ
- Cổ phiếu phổ thông 1.000.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đ/CP) .
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 1.000.000 cổ phiếu
- Cổ tức/lợi nhuận tạm chia cho các thành viên góp vốn = 2.000.000.000 đ/3.391.675.134 đ)

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2009 là năm thế giới và trong nước vẫn trong giai đoạn khó khăn, tình hình kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng thị trường cung cầu giảm.

Với sự cố gắng nỗ lực của công ty các chỉ tiêu cơ bản vẫn đạt và vượt so với kế hoạch như: tăng trưởng về doanh số, lợi nhuận tăng, thu nhập của người lao động ổn định và tăng, cổ tức dự kiến 26 %.

## **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty giảm, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả.

- Năm 2009 công ty đã thay đổi một số hình thức trong quản lý nhằm tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các đơn vị về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ, các khoản vay, tăng khả năng quay vòng vốn,...

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

### **IV. Báo cáo tài chính : Tại các trang cuối của BC này**

### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

#### **1. Kiểm toán độc lập**

- Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY.

- Các ý kiến nhận xét, thư quản lý đã gửi kèm trong Báo cáo tài chính năm 2009 tới Ủy ban chứng khoán NN, ý kiến kiểm toán độc lập : không có sai sót trọng yếu.

- Các nhận xét đặc biệt:

#### **2. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ thống nhất với số liệu báo cáo của công ty đã được kiểm toán.

- Các nhận xét đặc biệt

### **VI. Các công ty có liên quan**

### **VII. Tổ chức và nhân sự**

1/ Cơ cấu tổ chức của công ty gồm:

- Giám đốc điều hành : ông Đỗ Mạnh Tuấn

- Công ty có 08 phòng, cửa hàng trực thuộc Ban giám đốc. Trong đó có 06 đơn vị trực tiếp kinh doanh và phòng Tổ chức hành chính; phòng Kế toán- Kế hoạch.

2/ Quyền lợi của ban Giám đốc:

- Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: Giám đốc được hưởng lương hàng tháng theo thang bảng lương nhà nước, từ 01/10/2008 được Hội đồng quản trị thông qua tiền lương (8.000.000 đ/tháng).

- Tiền lương, thưởng, phụ cấp của Giám đốc năm 2009: 124 triệu đồng.

- Tiền thưởng và các chế độ khác theo qui chế đối với người lao động.

3/ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số cán bộ CNV bình quân năm 2009 = 82 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: trên 4 triệu đồng

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo qui định của Bộ luật lao động.

4/ Những thay đổi:

a/ Bổ sung thành viên HĐQT: Tại Đại hội cổ đông 16/4/2009 bổ sung thêm 02 thành viên :

- TCTY đầu tư và kinh doanh vốn NN cử ông Hoàng Anh Trung thay ông Đoàn Nhật Dũng
- Ông Cao Duy Hà thuộc Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn NN.
- Bà Lê Thị Kim Yến Đại diện Cty CP Gia Lộc Phát

b/ Công ty CP Tạp phẩm và BHLĐ ký hợp đồng tư vấn với Cty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia và ủy quyền về việc quản lý cổ đông, thực hiện chuyển nhượng cổ phần của và thực hiện chi trả hộ cổ tức cho cổ đông khi có yêu cầu của Công ty CP Tạp phẩm và BHLĐ Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01/12/2009.

## VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

#### 1. Hội đồng quản trị:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: gồm 05 thành viên.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị ông Đỗ Mạnh Tuấn kiêm Giám đốc công ty
- Thành viên Hội đồng quản trị Trương Kim Thoa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Hoàng Anh Trung - Thành viên hoạt động độc lập thuộc Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước
- Thành viên Hội đồng quản trị Cao Duy Hà -Thành viên hoạt động độc lập thuộc Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước
- Thành viên Hội đồng quản trị Lê Thị Kim Yến

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: nắm rõ nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên hàng năm, hàng tháng, quý nếu có nhiệm vụ đặc biệt HĐQT, BKS họp bàn tham gia một số ý kiến nhằm định hướng phát triển công ty.

#### 2. Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên (Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 bầu BKS):
- Trưởng Ban kiểm soát Lê Thị Thứ là thành viên hoạt động độc lập.
- 02 thành viên là bà Mai Thu Hoàn, ông Lê Quang Tình.
- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Hàng quý Ban kiểm soát kiểm soát báo cáo tài chính quý, năm.

#### 3. Thù lao và các lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và BKS:

**Tổng tiền thù lao trong năm 2009 là :142,105 triệu đồng (đã chi trả trong năm 2009 và các tháng đầu năm 2010) :**

a/ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên nhận thù lao theo kết quả kinh doanh năm 2009 = 100,662 triệu (hàng hàng tháng Cty trả thù lao) theo chi tiết sau :

- Ông Đỗ Mạnh Tuấn nhận thù lao năm 2009: 23,503 triệu đồng
- Bà Trương Kim Thoa nhận thù lao năm 2009: 23,503 triệu đồng
- Đoàn Nhật Dũng nhận thù lao 3,5 tháng 2009 8,425 triệu đồng (3,5 tháng đầu năm - sau đại hội cổ đông đã thay người khác)
- Hoàng Anh Trung nhận thù lao 8,5 tháng 2009 15,077 triệu đồng

- Cao Duy Hà nhận thù lao 8,5 tháng 2009 15,077 triệu đồng

- Bà Lê Thị Kim Yến nhận thù lao 8,5 tháng 2009 15,077 triệu đồng

b/ Ban kiểm soát gồm 03 thành viên được nhận thù lao năm 2009 = 41,443 triệu đồng

- Bà Lê Thị Thứ nhận thù lao năm 2009: 17,813 triệu đồng

- Bà Mai Thu Hoàn nhận thù lao năm 2009: 11,815 triệu đồng

- Ông Lê Quang Tình nhận thù lao năm 2008: 11,815 triệu đồng

Ngoài thù lao hàng tháng các thành viên trực tiếp điều hành được hưởng các chế độ đối với người lao động.

4. Số lượng thành viên HĐQT, BKS đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

- Năm 2009 để phục vụ công tác quản lý về lưu ký chứng khoán. Công ty chuyển đổi giá trị cổ phiếu theo qui định về giao dịch chứng khoán mỗi cổ phiếu có giá trị 10.000 đồng thay vì giá trị 100.000 đồng/CP trước đó. Do đó số lượng cổ phiếu của công ty trước đây là 100.000 cổ phiếu chuyển đổi là 1.000.000 cổ phiếu tương đương giá trị vốn góp không thay đổi là 10 tỉ VND

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước cử ông Hoàng Anh Trung và ông Cao Duy Hà làm đại diện chiếm tỉ lệ : 43,29% bằng 432.905 CP

- Chủ tịch HĐQT ông Đỗ Mạnh Tuấn nắm giữ : 0,46% bằng 4.605 CP

- Thành viên HĐQT bà Trương Kim Thoa nắm giữ : 0,40% bằng 4.005 CP

- Thành viên HĐQT bà Lê Thị Kim Yến - Cty CP Gia Lộc Phát:  
13,2 % bằng 132.000 CP

- Trưởng Ban kiểm soát bà Lê Thị Thứ nắm giữ : 0,05% bằng 500 CP

- Thành viên BKS bà Mai Thu Hoàn nắm giữ : 0,15% bằng 1.500 CP

- Thành viên BSK ông Lê Quang Tình nắm giữ 0,48% bằng 4.805 CP

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007321 ngày 06/4/2005 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 33/01/2007 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp, vốn điều lệ của công ty đăng ký là 10.000.000.000 VNĐ đồng , chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, các cổ đông sáng lập là 162 cổ đông. Qua quá trình hoạt động từ năm 2005 đến 31/12/2009 các cổ đông đã chuyển nhượng đến thời điểm còn **113 cổ đông**:

- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ 432.905 cổ phần tương ứng với 4.329.050.000 đồng, chiếm 43,29% vốn điều lệ.
- Cổ đông cá nhân và pháp nhân khác gồm 112 cổ đông, nắm giữ 567.095 cổ phần tương ứng với 5.670.950.000 đồng, chiếm 56,71% vốn điều lệ.

Những biến động :

- Năm 2009 các cổ đông chuyển nhượng 117.290 cổ phần tương ứng với 1.172.900.000 đồng
- Số cổ đông hiện hữu (đến 31/12/2009) là 113 cổ đông.
- Danh sách các cổ đông lớn tính đến 31/12/2009 :

Số TT	Tên cổ đông	Mã cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng và tỉ lệ sở hữu đến 31/12/2007	
					Số lượng	Tỉ lệ(%)

1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	001	Số 15A Trần Khánh Dư, P.Phần Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà nội	Đầu tư và kinh doanh vốn NN	432.905	43,29
2	Cty CP Gia Lộc Phát	163	Số 2 Đình Ngang, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Hà nội	Đầu tư, xây dựng	132,000	13,20
3	Cty TNHH SELTA	162	Số 15 A1 Cát Linh, Q.Đống Đa, Hà nội	SX,KD trang thiết bị nội thất, sứ VS,...	27,060	2,71
4	Lê Thị Ngọc	036	Số 23 phố Sơn Tây, P.Điện Biên,Q.Ba Đình, Hà nội	Nhân viên phòng nghiệp vụ thị trường	35,000	3,50
5	Chu Bích Thuỷ	069	Số 4 ngõ 159 phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Hà nội	Nhân viên phòng nghiệp vụ BHLĐ1	24,525	2,45

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

a/ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước:

- Cổ đông TCTY đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước /1 thành viên vốn Nhà nước
- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ 432.905 cổ phần tương ứng với 4.329.050.000 đồng, chiếm 43,29% vốn điều lệ.

Qua quá trình hoạt động từ năm 2005 số cổ đông sáng lập là 162 đến 31/12/2009 các cổ đông đã chuyển nhượng đến thời điểm còn 113 cổ đông. Trong đó

- Cổ đông thuộc doanh nghiệp Nhà nước : 01 cổ đông
- Cổ đông pháp nhân khác 02
- Cổ đông là cá nhân 110

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:

**Cổ đông /Thành viên góp vốn sáng lập: 113/70. Trong đó:**

- Cổ đông thuộc doanh nghiệp Nhà nước : 01 cổ đông
- Cổ đông pháp nhân khác 01
- Cổ đông là cá nhân 68

\* Kèm theo bản chụp các báo cáo tài chính theo qui định tại các trang tiếp theo.

Hà nội, ngày 10 tháng 4 năm 2010

**Giám đốc công ty**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Đỗ Mạnh Tuấn



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động (“Công ty”), tiền thân là Công ty Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động, được thành lập theo Quyết định số 153/TM-TCCB của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 10/03/1995. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1215/QĐ-BTM ngày 27/08/2004 của Bộ Thương Mại.

Trụ sở chính: 11A, Phố Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007321 ngày 06/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2009 của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình, trang thiết bị hàng bảo hộ lao động, an toàn lao động, các thiết bị văn phòng phẩm, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, đồ điện dân dụng, điện tử, nguyên nhiên liệu, phục vụ sản xuất, giấy các loại, gỗ các loại;
- Hàng thực phẩm, thực phẩm công nghệ bánh kẹo, đường, rượu bia, đồ uống, thuốc lá;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ kho, cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán thiết bị máy tính, thiết bị văn phòng, điện tử, điện lạnh, thiết bị điều hòa nhiệt độ, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị vệ sinh;
- Mua bán máy tính./.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán nào yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Đoàn Nhật Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 16/04/2009
Bà Trương Kim Thoa	Thành viên Hội đồng quản trị	
Ông Hoàng Anh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 16/04/2009
Ông Cao Duy Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 16/04/2009
Bà Lê Thị Kim Yến	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 16/04/2009

**Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Mạnh Tuấn Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Đỗ Mạnh Tuấn**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

Số: 88 /2010/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Tạt phẩm và Bảo hộ Lao động

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tạt phẩm và Bảo hộ Lao động

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tạt phẩm và Bảo hộ Lao động (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:**

#### **Hạn chế về phạm vi kiểm toán**

Đối với các đơn vị trực tiếp kinh doanh, Công ty áp dụng chế độ giao khoán kinh doanh cho các trưởng bộ phận, theo đó các trưởng bộ phận và các cán bộ trực tiếp kinh doanh chịu trách nhiệm vật chất với Công ty về tài sản và vốn được giao. Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty thực hiện xác nhận công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán. Tuy nhiên, một số khoản công nợ chưa được xác nhận trực tiếp với nhà cung cấp cũng như với khách hàng, mà chỉ xác nhận với các trưởng bộ phận và cán bộ kinh doanh. Công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán, người mua trả tiền trước được trình bày trên Báo cáo tài chính theo số công nợ bù trừ của từng nhân viên bán hàng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về mức độ hợp lý của các khoản mục công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

### *Những vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán*

Phần lớn tài sản cố định hữu hình của Công ty được sử dụng với mục đích cho thuê. Tuy nhiên, Công ty chưa tiến hành phân loại tài sản cho thuê sang bất động sản đầu tư cũng như phân loại trình bày các chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê nói trên vào khoản mục Giá vốn hàng bán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập phẩm và Bảo hộ Lao động tại thời điểm 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

**Nguyễn Minh Long**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.183.532.235</b>	<b>76.505.298.444</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>975.479.488</b>	<b>6.770.086.314</b>
1. Tiền	111		975.479.488	6.770.086.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>35.291.185.252</b>	<b>41.517.312.710</b>
1. Phải thu khách hàng	131		32.584.874.245	38.070.122.504
2. Trả trước cho người bán	132		2.716.433.707	3.163.220.809
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	227.868.625	283.969.397
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(237.991.325)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>38.767.728.366</b>	<b>27.777.172.478</b>
1. Hàng tồn kho	141		38.767.728.366	27.777.172.478
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.149.139.129</b>	<b>440.726.942</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.149.139.129	427.730.942
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	12.996.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.367.621.915</b>	<b>1.871.703.050</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.066.815.112</b>	<b>1.805.158.050</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.169.057.592	1.345.461.578
- Nguyên giá	222		4.255.896.804	4.255.896.804
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.086.839.212)	(2.910.435.226)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		12.631.048	-
- Nguyên giá	228		15.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.368.952)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		885.126.472	459.696.472
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>300.806.803</b>	<b>66.545.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	300.806.803	66.545.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>80.551.154.150</b>	<b>78.377.001.494</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.409.277.347</b>	<b>67.319.028.601</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.308.141.622</b>	<b>67.217.892.876</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	4.146.000.000	10.485.898.600
2. Phải trả người bán	312		46.074.254.673	51.387.654.475
3. Người mua trả tiền trước	313		8.434.760.577	3.128.207.967
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	845.378.892	533.111.352
5. Phải trả người lao động	315		457.468.390	585.089.937
6. Chi phí phải trả	316	V.9	55.948.583	31.051.629
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	7.294.330.507	1.066.878.916
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>101.135.725</b>	<b>101.135.725</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		101.135.725	101.135.725
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.141.876.803</b>	<b>11.057.972.893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>13.137.126.259</b>	<b>11.042.315.402</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		1.217.776	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		610.727.409	451.851.338
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		252.430.940	199.472.250
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.272.750.134	390.991.814
<b>II. Quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.750.544</b>	<b>15.657.491</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.750.544	15.657.491
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>80.551.154.150</b>	<b>78.377.001.494</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



Trần Thị Tuyết Nga



Đỗ Mạnh Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	777.622.936.140	608.120.345.019
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(769.439.938.889)	(607.436.186.293)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.047.708.848)	(3.410.742.804)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(654.063.591)	(1.059.939.429)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(529.704.095)	(452.134.093)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.652.288.641	17.792.782.984
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(17.879.254.880)	(9.164.205.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.275.445.522)</b>	<b>4.389.919.656</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(332.623.897)	(21.290.909)
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(38.300.000.000)	(8.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	36.300.000.000	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.278.005.740	1.048.511.188
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.054.618.157)</b>	<b>1.027.220.279</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.592.865.408	98.073.392.847
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(124.385.426.831)	(94.589.472.503)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.672.078.500)	(2.430.459.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.464.639.923)</b>	<b>1.053.461.344</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(5.794.703.602)</b>	<b>6.470.601.279</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.770.086.314</b>	<b>299.485.035</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96.776	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>975.479.488</b>	<b>6.770.086.314</b>

Kế toán trưởng



Trần Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010



Đỗ Mạnh Tuấn



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động ("Công ty"), tiền thân là Công ty Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động, được thành lập theo Quyết định số 153/TM-TCCB của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 10/03/1995. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1215/QĐ-BTM ngày 27/08/2004 của Bộ Thương Mại.

Trụ sở chính: 11A, Phố Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### 2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007321 ngày 06/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2009 của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình, trang thiết bị hàng bảo hộ lao động, an toàn lao động, các thiết bị văn phòng phẩm, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, đồ điện dân dụng, điện tử, nguyên nhiên liệu, phục vụ sản xuất, giấy các loại, gỗ các loại;
- Hàng thực phẩm, thực phẩm công nghệ bánh kẹo, đường, rượu bia, đồ uống, thuốc lá;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ kho, cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán thiết bị máy tính, thiết bị văn phòng, điện tử, điện lạnh, thiết bị điều hòa nhiệt độ, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị vệ sinh;
- Mua bán máy tính./.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tạp phẩm và Bảo hộ Lao động đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**5. Lập dự phòng**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Thiết bị quản lý	5

##### 7. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán đang sử dụng tại Công ty và đang được khấu hao với thời gian khấu hao là 4 năm.

##### 8. Ghi nhận doanh thu, giá vốn

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu dịch vụ cho thuê kho và văn phòng được ghi nhận dựa trên diện tích cho thuê, đơn giá tiền thuê, người thuê sử dụng tài sản thuê và chấp nhận thanh toán tiền thuê cho Công ty. Dịch vụ cho thuê được hai bên lập thành hợp đồng kinh tế, việc ký kết hợp đồng được thực hiện hàng năm.

Doanh thu về hoạt động đại lý là hoa hồng nhận được khi Công ty làm đại lý bán hàng cho Công ty MDF Gia Lai. Công ty ghi nhận doanh thu khi bán được hàng và xuất hoá đơn hoa hồng của Công ty MDF Gia Lai, mức hoa hồng là 5% trên giá trị hàng trước thuế VAT, mức hoa hồng có thể thay đổi theo từng thời điểm và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

##### 9. Chi phí đi vay

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được kết chuyển vào chi phí tài chính trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**10. Chênh lệch tỷ giá**

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản mục tiền có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư.

**11. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện hành và số thuế hoãn lại.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được tính giảm 30% so với thuế suất phổ thông theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

**12. Bên liên quan**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Tiền mặt	453.139.986	107.547.064
Tiền gửi ngân hàng	508.612.402	3.962.539.250
Tiền đang chuyển	13.727.100	2.700.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>975.479.488</b>	<b>6.770.086.314</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Là khoản góp vốn với Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại Tôn Vinh để thực hiện hợp đồng kinh doanh số 05/HĐ/2009/TPBH-TOVI.

**3. Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
- Phải thu về cổ phần hoá	-	26.600.000
- Phải thu Ông Nghiêm Quang Tùng	78.954.497	175.954.497
- Phải thu khác	148.914.128	81.414.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>227.868.625</b>	<b>283.969.397</b>

**4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Hàng hoá	38.767.728.366	27.777.172.478
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>38.767.728.366</b>	<b>27.777.172.478</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2009	3.754.266.819	480.339.076	21.290.909	4.255.896.804
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	3.754.266.819	480.339.076	21.290.909	4.255.896.804
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2009	2.425.837.966	480.339.076	4.258.184	2.910.435.226
Tăng trong năm	172.145.810	-	4.258.176	176.403.986
- Trích KH trong năm	172.145.810	-	4.258.176	176.403.986
Tại ngày 31/12/2009	2.597.983.776	480.339.076	8.516.360	3.086.839.212
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2009	1.328.428.853	-	17.032.725	1.345.461.578
Tại ngày 31/12/2009	1.156.283.043	-	12.774.549	1.169.057.592

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2009 là: 573.415.004 đồng.

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ với thời gian 24 tháng.

**7. Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	4.146.000.000	10.485.898.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.146.000.000</b>	<b>10.485.898.600</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	77.652.628	-
Thuế xuất nhập khẩu	44.495.590	792.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	719.235.307	529.493.161
Thuế thu nhập cá nhân	3.995.367	2.826.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>845.378.892</b>	<b>533.111.352</b>

**9. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Chi phí lãi vay	5.948.583	31.051.629
Chi phí luật sư	50.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.948.583</b>	<b>31.051.629</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	41.316.664	487.416
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.253.013.843	1.066.391.500
- Cổ tức chưa trả	453.013.843	1.024.870.000
- Huy động vốn của cá nhân	6.800.000.000	41.521.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.294.330.507</b>	<b>1.066.878.916</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

11. **Vốn chủ sở hữu**

11a. *Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>451.851.338</b>	<b>199.472.250</b>	-	<b>10.651.323.588</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	2.544.191.814	2.544.191.814
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(38.100.000)	(38.100.000)
- Chi khác cho cổ đông	-	-	-	-	(75.100.000)	(75.100.000)
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>451.851.338</b>	<b>199.472.250</b>	<b>390.991.814</b>	<b>11.042.315.402</b>
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>451.851.338</b>	<b>199.472.250</b>	<b>390.991.814</b>	<b>11.042.315.402</b>
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	158.876.071	52.958.690	(300.991.814)	(89.157.053)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.391.675.134	3.391.675.134
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	1.217.776	-	-	-	1.217.776
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(53.925.000)	(53.925.000)
- Chi khác	-	-	-	-	(55.000.000)	(55.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.217.776</b>	<b>610.727.409</b>	<b>252.430.940</b>	<b>2.272.750.134</b>	<b>13.137.126.259</b>

(\*) Bao gồm khoản tạm chia cổ tức năm 2009, số tiền 1.000.000.000 (tương đương 10% vốn chủ sở hữu) theo kế hoạch chia cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/4/2009.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**11. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**11b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
+ Vốn góp của Nhà nước	4.329.050.000	4.329.050.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	5.670.950.000	5.670.950.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

**11c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.509.916.814	2.153.200.000

**11d. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2009 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	100.000

**11e. Các quỹ**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Quỹ đầu tư phát triển	610.727.409	451.851.338
Quỹ dự phòng tài chính	252.430.940	199.472.250

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	673.627.731.858	553.969.043.363
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	667.720.255.968	549.963.293.967
+ Doanh thu cho thuê kho tàng, văn phòng	5.907.475.890	4.005.749.396
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>673.627.731.858</b>	<b>553.969.043.363</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	662.167.292.407	544.101.377.496
Giá vốn cho thuê kho tàng, văn phòng	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>662.167.292.407</b>	<b>544.101.377.496</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.276.731.793	1.048.576.062
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	16.911.738	20.651.787
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	4.489.517
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.293.643.531</b>	<b>1.073.717.366</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	628.960.545	1.090.991.058
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	1.046.489.022	62.613.336
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.675.449.567</b>	<b>1.153.604.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Tổng thu nhập của Ban giám đốc</b>	<b>178.863.000</b>	<b>96.210.000</b>
- Lương và phụ cấp	124.938.000	75.510.000
- Thù lao Hội đồng quản trị	53.925.000	20.700.000

**2. Hợp đồng thuê đất**

Hợp đồng số 47-245.99/ĐC - HĐĐĐ ngày 30/01/1999 diện tích đất được thuê là 1.005,4 m<sup>2</sup>, tại Phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội, mục đích làm trụ sở và kho thời hạn thuê đất 10 năm kể từ ngày 01/01/1996.

Hợp đồng số 48-245.99/ĐC - HĐĐĐ ngày 30/01/1999 diện tích đất được thuê là 1.090,8 m<sup>2</sup>, tại Phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội, mục đích làm trụ sở và kho, thời hạn thuê đất 10 năm kể từ ngày 01/01/1996.

Các hợp đồng 47-245.99/ĐC - HĐĐĐ và 48-245.99/ĐC - HĐĐĐ Công ty đang thực hiện các thủ tục đề xin ký lại hợp đồng thuê đất, cũng như các tài sản trên đất, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty vẫn đang sử dụng.

**3. Tài sản và công nợ tiềm tàng**

Về vấn đề tranh chấp giữa Công ty và Công ty Sản xuất & Thương mại Thái Hòa liên quan đến tài sản trên đất (Kho tàng, nhà xưởng) tại số 352 Giải Phóng - Hà Nội, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã có Biên bản làm việc ngày 05/05/2009 và Biên bản định giá ngày 05/11/2009 giữa tòa án và hai bên nguyên đơn, bị đơn. Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty SX & TM Thái Hòa giá trị tài sản trên đất theo các chứng từ, tài liệu hợp lý mà Công ty SX & TM Thái Hòa có thể cung cấp được hoặc theo giá trị định giá lại bởi một cơ quan tư vấn thiết kế chuyên nghiệp. Giá trị ước tính hiện tại của tài sản do bị đơn đưa ra là 5 tỷ đồng.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



**Trần Thị Tuyết Nga**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

**Giám đốc**  
  


**Đỗ Mạnh Tuấn**